

Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm khuẩn vết mổ của bệnh nhân phẫu thuật tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2022

BS. Vũ Thị Lan
Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn
Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp – Hải Phòng

ĐẶT VẤN ĐỀ

- Nhiễm khuẩn vết mổ (NKVM) là nhiễm khuẩn tại vị trí phẫu thuật trong thời gian từ khi mổ cho đến 30 ngày sau phẫu thuật với phẫu thuật không cấy ghép và một năm với các phẫu thuật có cấy ghép bộ phận giả (phẫu thuật Implant).
- Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp là bệnh viện tuyến cuối của thành phố Hải Phòng với quy mô gần 2000 giường bệnh. Hàng năm, bệnh viện thực hiện khoảng 15.000 ca phẫu thuật, chủ yếu là phẫu thuật loại I và đặc biệt (70%).



MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Đề tài: “Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nhiễm khuẩn vết mổ của bệnh nhân phẫu thuật tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2022”:

1. Mô tả thực trạng nhiễm khuẩn vết mổ của bệnh nhân phẫu thuật tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp năm 2022.
2. Mô tả một số yếu tố liên quan đến nhiễm khuẩn vết mổ của đối tượng nghiên cứu trên.



ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- **Đối tượng nghiên cứu:** Bệnh nhân sau phẫu thuật tại Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp.
- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Nghiên cứu được tiến hành tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp từ tháng 10/2021 – 10/2022. Tiến hành thu thập số liệu từ tháng 3/2022 cho đến khi đạt đủ cỡ mẫu.



- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Cỡ mẫu:** Cỡ mẫu điều tra nghiên cứu được xác định theo công thức ước lượng một tỷ lệ, sử dụng sai số tương đối:

Trong đó:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{(\epsilon p)^2}$$

- n: Cỡ mẫu nghiên cứu.
- z: Hệ số tin cậy phụ thuộc vào ngưỡng xác suất α (chọn $\alpha = 0,05$ với độ tin cậy 95% thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$).
- ϵ : Khoảng sai lệch giữa tỷ lệ của mẫu nghiên cứu và tỷ lệ thực trong quần thể (Sai số tương đối, lấy $\epsilon = 0,5$).
- p: Tỷ lệ NKVM. Lấy $p = 3,6\%$ (Theo kết quả nghiên cứu của tác giả Phạm Văn Tân tại khoa Ngoại bệnh viện Bạch Mai năm 2016 với tỷ lệ NKVM là 3,6%).
- Sau khi tính toán được cỡ mẫu tối thiểu $n = 2732$ (làm tròn). Thực tế triển khai nghiên cứu trên 2866 bệnh nhân.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân bố bệnh nhân theo giới tính và tuổi (n=2866)

Nội dung	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	1656	57,8
Nữ	1210	42,2
Nhóm tuổi		
< 40 tuổi	1052	36,7
≥ 40 tuổi	1814	63,3
X ± SD (Min – Max)	44,35 ± 11,23 (16 - 80 tuổi)	

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Loại phẫu thuật (n=2866)

Loại phẫu thuật	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Phẫu thuật sạch	1750	61,1
Phẫu thuật nhiễm	194	6,8
Phẫu thuật sạch - nhiễm	922	32,1



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phương pháp phẫu thuật (n=2866)

Phương pháp phẫu thuật	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Mổ mở	2206	77,0
Mổ nội soi	660	23,0



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Hình thức phẫu thuật (n=2866)

Hình thức phẫu thuật	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Mổ cấp cứu	1138	39,7
Mổ kế hoạch	1728	60,3



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ

Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ (n=2866)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Có	122	4,3
Không	2744	95,7



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Mức độ nhiễm khuẩn vết mổ

Mức độ nhiễm khuẩn (n=122)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Nhiễm khuẩn vết mổ nông	82	67,2
Nhiễm khuẩn vết mổ sâu	39	32,0
Nhiễm khuẩn vết mổ tại cơ quan/khoang phẫu thuật	1	0,8



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Liên quan giữa bệnh mạn tính với nhiễm khuẩn vết mổ (n=2866)

Bệnh mạn tính	Có n (%)	Không n (%)	Tổng n (%)	OR 95%CI	p
Có	11 (20,8)	42 (79,2)	53 (1,8)	6,37 3,19-12,72	<0,001
Không	111 (3,9)	2702 (96,1)	2813 (98,2)		



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Liên quan giữa số ngày nằm viện với nhiễm khuẩn vết mổ (n=2866)

Số ngày nằm viện	Có n (%)	Không n (%)	Tổng n (%)	OR 95%CI	p
> 7 ngày	103 (4,8)	2023 (95,2)	2126 (74,2)	1,93 1,18-3,18	0,008
≤ 7 ngày	19 (2,6)	721 (97,4)	740 (25,8)		



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Liên quan giữa loại phẫu thuật với nhiễm khuẩn vết mổ (n=2866)

Loại phẫu thuật	Có n (%)	Không n (%)	Tổng n (%)	OR 95%CI	p
Phẫu thuật nhiễm	21 (10,8)	173 (89,2)	194 (6,8)	4,50 2,62-7,71	<0,001
Phẫu thuật sạch-nhiễm	55 (6,0)	867(94,0)	922 (32,2)	2,35 1,58-3,51	<0,001
Phẫu thuật sạch	46 (2,6)	1704 (97,4)	1750 (61,1)	1	



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Liên quan giữa điểm ASA và thời gian phẫu thuật với nhiễm khuẩn vết mổ (n=2866)

Điểm ASA	Có n (%)	Không n (%)	Tổng n (%)	OR 95%CI	p
3 và 4 điểm	8 (25,8)	23 (74,2)	31 (1,1)	8,30 3,64-18,96	<0,001
2 điểm	114 (4,0)	2721 (96,0)	2835 (98,9)		



KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Liên quan giữa thời gian phẫu thuật với nhiễm khuẩn vết mổ (n=2866)

Thời gian PT	Có n (%)	Không n (%)	Tổng n (%)	OR 95%CI	p
> 60 phút	94 (5,1)	1764 (94,9)	1858 (64,8)	1,87 1,21-2,87	0,004
≤ 60 phút	28 (2,8)	980 (97,2)	1008 (35,2)		



KẾT LUẬN

- Tỷ lệ bệnh nhân NKVM tại bệnh viện là 4,3%. Tỷ lệ NKVM nông chiếm đa số 67,2%; sâu 32,0%; chỉ có 0,8% tại cơ quan/khoang phẫu thuật. Tỷ lệ NKVM ở bệnh nhân mổ cấp cứu là 4,6%; mổ phiên là 4,0%.
- Bệnh nhân có bệnh mãn tính có nguy cơ NKVM cao hơn 6,37 lần so với bệnh nhân không có bệnh mãn tính. Bệnh nhân có điểm ASA > 2 điểm (3 và 4 điểm) có nguy cơ NKVM cao hơn gấp 8,30 lần so với bệnh nhân có điểm ASA bằng 2 điểm. Bệnh nhân được phân loại phẫu thuật nhiễm, sạch nhiễm có nguy cơ NKVM cao hơn nhóm bệnh nhân được phân loại phẫu thuật sạch lần lượt là 4,50 lần và 2,35 lần. Bệnh nhân có thời gian phẫu thuật > 60 phút có nguy cơ NKVM cao hơn gấp 1,87 lần bệnh nhân có thời gian phẫu thuật ≤ 60 phút. Toàn bộ có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

HICS Hội Cựu Minh City
Infectious Control
Độc C 1 ế t y
Hội kiểm soát nhiễm khuẩn TP HCM

